

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2022
V/v Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Cường.

2. Ông Lê Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 7, khu phố C, phường GB, thị xã B, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 5, ấp Đ, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy K chung sống với nhau vào tháng 3-2014, có tìm hiểu trước nên hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào ngày 18-3-2014. Ngày làm lễ cưới gia đình anh K có cho chị nữ trang gồm 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, 01 tấm lắc tay 01 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Hiện số nữ trang này không còn do vợ

chồng chị đã bán để lo chi phí cho việc sinh con. Sau khi cưới vợ chồng chị về nhà của cha mẹ chồng chị tại ấp Đ, xã P, huyện G sinh sống và làm ăn.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5-2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc và thường hay xảy ra cãi nhau về chuyện tiền bạc, kinh tế trong gia đình khó khăn. Anh K thường xuyên nhậu nhẹt, ham chơi mà không lo lắng, chăm sóc cho gia đình mà mọi việc trong gia đình đều do một mình chị phải gánh vác và chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh K không chịu thay đổi. Ngoài ra, anh K có người phụ nữ khác bên khác vì chị thấy anh K chở người phụ nữ này đi chơi, chị có hỏi mà anh K không trả lời người phụ nữ đó là ai và còn nói với chị là nếu không muốn ở bên chồng nữa thì tự về nhà cha mẹ chị mà ở. Vì vậy, chị buồn nên chị bỏ về nhà cha mẹ của chị tại khu phố C, phường GB, thị xã B để sống và cho đến khi con được 04 tuổi thì anh K năn nỉ nên khoảng tháng 5-2019 chị về sống chung với anh K. Nhưng khi chung sống lại anh K cũng không chịu chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và đi làm có bao nhiêu tiền anh K đều tự một mình tiêu xài hết mà không phụ lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Do khuyên anh K không được nên khoảng tháng 5-2020 chị bỏ về nhà cha mẹ của chị sống cho đến nay và vợ chồng chị ly thân từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân cho đến nay vợ chồng chị không có gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 17-5-2015. Hiện cháu T đang sống với chị nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy K: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh K không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự (trừ anh K), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh K; về con chung: Giao cháu T cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh K chung sống với nhau vào tháng 3-2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G ngày 18-3-2014. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N thì thấy: Chị N cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị chủ yếu phát sinh từ việc vợ chồng chị N hay xảy ra cãi nhau về vấn đề tiền bạc và kinh tế trong gia đình khó khăn. Anh K không quan tâm, lo lắng và chăm sóc cho gia đình mà lại ham chơi, nhậu nhẹt, không phụ giúp chị N lo cho gia đình và mọi việc trong gia đình đều do một mình chị N phải chịu trách nhiệm gánh vác. Bên cạnh đó, anh K lại có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài do chị N phát hiện thông qua việc anh K chở đi chơi bên ngoài. Chị N đã một lần bỏ về nhà cha mẹ của chị N sống cho đến khi con được 04 tuổi do anh K năn nỉ nên chị N quay về sống lại nhưng anh K vẫn không chịu thay đổi tính tình, mặc dù chị N đã khuyên nhiều lần nên tháng 5-2020 chị N bỏ về nhà cha mẹ của chị N tại khu phố C, phường GB, thị xã B sống cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh K không đến, chứng tỏ anh K đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng và không có thiện chí được đoàn tụ với chị N. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 17-5-2015. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện cháu T đang sống với chị N và cháu T có nguyện vọng được sống với chị N. Vì vậy, để đảm bảo về sự phát triển bình thường và không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu T nên Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hằng N đối với anh Nguyễn Duy K. Chị N được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Giao cho chị N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 17-5-2015. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0024096 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị N đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh